

TÒA ÁN NHÂN DÂN Q. HẢI CHÂU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2024/HS-ST

Ngày 15-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xoa

Ông Huỳnh Thanh Trà

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Minh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa: Ông Lê Viết Sĩ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 41/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2024/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Phan Văn L, tên gọi khác: Không; sinh ngày 23 tháng 03 năm 1983 tại Đà Nẵng. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: K Đ, tổ B phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Tin lành; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan V (chết) và bà Nguyễn Thị T (sinh năm: 1940), gia đình có 7 anh, em, bị cáo là con thứ 07; Tiền án: Ngày 22/9/2022, bị xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 112/2022/HSST của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; Chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/9/2023, chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 29/8/2002, bị xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a, b khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999 tại Bản án số 58/2002/HSST của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng. L chưa thi hành phần án phí và bồi thường dân sự nhưng khi phạm tội L chưa đủ 18 tuổi, đã áp dụng Điều 69 BLHS nên được coi là không có án tích.

Ngày 09/11/2004, bị xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999 tại Bản án số 64/2004/HSST của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, đã xoá án tích.

Ngày 21/01/2008, bị xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999 tại Bản án số 03/2008/HSPT của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Ngày 14/9/2011, Ủy ban nhân dân thành phố Đ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục thời hạn 24 tháng về hành vi xâm phạm tài sản người khác theo Quyết định số 8028.

Bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Đ ngày 14/01/2024, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

Chị Trương Thị D, sinh năm: 1998. Địa chỉ: K đường M, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1994. Địa chỉ: C Đ, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

Người làm chứng: Anh Nguyễn Văn Minh H, sinh năm: 1995. Địa chỉ: C Đ, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có nghề nghiệp và cần tiền tiêu xài cá nhân nên Phan Văn L đã thực hiện 02 lần trộm cắp tài sản, cụ thể:

Lần 1: Khoảng 20 giờ 55 phút ngày 23/11/2023, sau khi uống bia ở đường N, thành phố Đà Nẵng, Phan Văn L đi bộ về nhà. Khi đi qua phòng trọ của chị Trương Thị D tại: K đường M, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng, thấy phòng trọ không đóng cửa nên L nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. L vào phòng trọ, trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus, màu đỏ của chị D, mang về nhà cất giấu. Sau đó, Công an phường T, quận T mời L đến làm việc thì L khai nhận và giao nộp chiếc điện thoại.

Theo Kết luận định giá tài sản ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự quận T xác định giá trị của 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus, 64GB, màu đỏ là 2.700.000 đồng.

Lần 2: Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 14/01/2024, Phan Văn L đi bộ về nhà, khi đến trước cửa hàng H1, địa chỉ: số C Đ, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng, do chị Nguyễn Thị N làm chủ. L vào bên trong cửa hàng trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro, màu đen. Sau đó, chị N phát hiện bị mất điện thoại nên nhờ nhân viên là anh Nguyễn Văn M H sử dụng chức năng định vị của Icloud thì phát hiện điện thoại đang ở khu vực ngã tư đường H - L, thành phố Đà Nẵng. Anh H và chị N đến giữ L lại và báo Công an phường P, quận H mời về làm việc. Kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTS ngày 16.01.2024, của Hội đồng ĐGTS trong TTTHS, UBND quận H, kết luận: Chiếc điện thoại hiệu Iphone 11 Pro nêu trên có trị giá 6.283.000 đồng. Vật chứng thu giữ:

- Phan Văn L:

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus, màu đỏ, Imei: 356113093404318.

+ 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro, màu đen, số máy: MWAM2LL/A, số seri: C39ZLCPYN6XM.

- Trương Thị D: 01 đĩa CD chứa 01 đoạn vi deo, ghi lại hình ảnh L trộm cắp điện thoại của chị D.

- Nguyễn Thị N: 01 đĩa CD-R, bên trong chứa 01 đoạn video ghi nhận hình ảnh L trộm cắp điện thoại của chị N.

Quá trình điều tra, Phan Văn L đã thành khẩn khai nhận hành vi trộm cắp tài sản như trên. Lời khai nhận của L phù hợp với lời khai các bị hại, người liên quan, vật chứng thu giữ, kết luận định giá và các chứng khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 45/CT-VKS ngày 28/3/2024, Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Phan Văn L về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phan Văn L từ 18 đến 21 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Trương Thị D đã nhận lại 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus, màu đỏ và chị Nguyễn Thị N đã nhận lại 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro, màu đen và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Tại phiên tòa, quá trình xét hỏi bị cáo Phan Văn L thừa nhận hành vi phạm tội như trong bản cáo trạng đã truy tố.

Bị cáo Phan Văn L nói lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong HĐXX xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về xác định tội phạm: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với chứng cứ lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó có cơ sở để xác định: Ngày 23.11.2023 và 14.01.2024, tại địa bàn quận T

và quận H, thành phố Đà Nẵng, Phan Văn L đã lén lút 02 lần trộm cắp tài sản là 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus, màu đỏ của chị Trương Thị D, trị giá 2.700.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro, màu đen của chị Nguyễn Thị N, trị giá 6.283.000 đồng, tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 8.983.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo Phan Văn L đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng truy tố bị cáo Phan Văn L là có cơ sở và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thì thấy: Phan Văn L vừa chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích không có việc làm, vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên đã lén lút thực hiện trộm cắp tài sản. L đã lợi dụng lúc người bị hại thiếu cảnh giác, không có người trông coi nên bị cáo đã thực hiện ý định chiếm đoạt tài sản. Bị cáo đã bị xử phạt tù vào năm 2002, 2004, 2008 và 2022 nhưng không lấy đó làm bài học tu dưỡng bản thân mà tiếp tục sa vào con đường phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải xử phạt cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo.

Về các tình tiết tăng nặng: Ngày 22/9/2022, bị cáo bị xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại Bản án số 112/2022/HSST của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; Chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/9/2023, chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội, bị cáo thực hiện 02 lần trộm cắp tài sản. Do đó hành vi của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm và phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về các tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội nên khi quyết định mức hình phạt Hội đồng xét xử áp dụng các điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[4] Về xử lý tang vật và trách nhiệm dân sự:

Cơ quan CSĐT Công an quận H đã trả lại cho chị Trương Thị D 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus, màu đỏ; chị Nguyễn Thị N 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro, màu đen, chị D và chị N đã nhận lại tài sản này và không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Xét những đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tại phiên tòa hôm nay là có cơ sở, HĐXX chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Phan Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt: Phan Văn L 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt tạm giữ, ngày 14/01/2024.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Bị cáo Phan Văn L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- CA quận Hải Châu;
- VKSND quận Hải Châu;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phương Thảo